

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2021

V/v "Tranh chấp ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Tấn Phong**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Nguyễn Văn Trước**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Anh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:* Không tham gia

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lư Thị H**, sinh năm 1969 (xin vắng)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1963 (xin vắng)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lư Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau bà Lư Thị H và ông Bùi Văn H đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2003 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, bản thân bà H đã nhiều lần cố gắng

khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được nên bà H và ông H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2003 cho đến nay. Nay bà Lư Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1988. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà Lư Thị H yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn H thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân và đồng ý ly hôn với bà Lư Thị H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1988. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông Bùi Văn H yêu cầu Tòa án cho ông được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

\* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Lư Thị H và bị đơn ông Bùi Văn H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lư Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của bà và ông Bùi Văn H. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn bà Lư Thị H và bị đơn ông Bùi Văn H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Lư Thị H và ông Bùi Văn H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau bà Lư Thị H và ông Bùi Văn H đã tiến đến hôn nhân nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lư Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông H sống chung với nhau như vợ chồng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là hôn

nhân không hợp pháp, không được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H và ông H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hơn nữa bà H và ông H phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc bà và ông H không còn chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay cho thấy mâu thuẫn giữa bà và ông H ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lư Thị H và ông Bùi Văn H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1988. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lư Thị H là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lư Thị H và ông Bùi Văn H.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1988. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Lư Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0006524 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Tấn Phong**